**NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG TRONG THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG, KHÓ LƯỜNG**

**TS. Nguyễn Bích Lâm
Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê**

**TÓM TẮT BÀI VIẾT**

Năng suất lao động là yếu tố quyết định nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Paul R. Krugman - Nhà kinh tế học người Mỹ, đạt giải Nobel kinh tế đánh giá: “Năng suất không phải là tất cả, nhưng trong dài hạn, năng suất gần như là tất cả!”.

Đối với kinh tế Việt Nam, cải thiện và thúc đẩy tăng năng suất lao động là vấn đề cốt lõi hiện nay, là con đường ngắn nhất để đưa nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, bắt kịp trình độ phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong những năm qua, năng suất lao động của Việt Nam đã thu hẹp được khoảng cách tương đối với các nước trong khu vực ASEAN có trình độ phát triển cao hơn. Tuy vậy, theo số tuyệt đối tính theo sức mua tương đương năm 2017 năng suất lao động của Việt Nam năm 2022 đạt 20,4 nghìn USD, chỉ bằng 11,4% mức năng suất lao động của Singapore; 35,4% của Malaysia; 64,8% của Thái Lan. So với các nền kinh tế phát triển có quy mô lớn, năng suất lao động của Việt Nam bằng 15,4% của Mỹ; 19,1% của Pháp; 21,6% của Anh; 24,7% của Hàn Quốc; 26,3% của Nhật Bản và 59% của Trung Quốc. So sánh năng suất lao động của Việt Nam với các nước cho thấy chúng ta đang phải đối mặt với thách thức rất lớn để có thể bắt kịp mức năng suất lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới trong thời gian tới.

Năng suất lao động của nước ta thấp là do: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế chưa hợp lý; Chưa phát huy được vai trò chủ đạo của năng suất lao động nội ngành; Năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp thấp; Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh còn hạn chế, máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu; Nguồn nhân lực còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 5 năm gần đây, thế giới trải qua nhiều biến cố, với 4 đặc trưng: Biến động khó lường; không chắc chắn; phức tạp và mơ hồ. Các biến cố đưa đến những thay đổi mạnh mẽ trong hoạt động kinh tế thế giới, trật tự kinh tế toàn cầu lỏng lẻo; các giá trị của chủ nghĩa tự do kinh tế bị thách thức nghiêm trọng; chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch quay trở lại. Chuỗi cung ứng toàn cầu được định hình lại theo hướng linh hoạt, dễ thích nghi hơn.

Để vượt qua các biến cố kinh tế và xử lý thiếu hụt lao động do vấn đề nhân khẩu học, các quốc gia đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, cơ cấu lại lực lượng lao động, đồng thời định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu. Những ứng dụng và điều chỉnh này trở thành động lực nâng cao năng suất lao động.

Để hoà nhịp với xu hướng thay đổi không thể đảo ngược của kinh tế thế giới, để nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế Việt Nam, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và toàn bộ hệ thống chính trị cần thấm nhuần nhận thức về tầm quan trọng của năng suất lao động, khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nâng cao năng suất lao động Việt Nam. Định kỳ đánh giá, bổ sung, cập nhật Chiến lược này phù hợp với những thay đổi mau lẹ của kinh tế thế giới. Suy cho cùng, để “cạnh tranh sòng phẳng” với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới, chúng ta phải cạnh tranh bằng năng suất lao động vượt trội. Bài viết đề xuất một số giải pháp cho Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp nghiên cứu, triển khai thực hiện để từng bước nâng cao năng suất lao động của nền kinh tế trong thời gian tới.

**NỘI DUNG BÀI VIẾT**

**1. Vai trò của năng suất lao động trong tăng trưởng kinh tế**

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, năng suất lao động là yếu tố quyết định nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế và của doanh nghiệp. Cải thiện và thúc đẩy tăng năng suất lao động là vấn đề cốt lõi với kinh tế Việt Nam hiện nay, là con đường ngắn nhất để đưa nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, bắt kịp trình độ phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau hơn 35 năm đổi mới, kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quy mô, tiềm lực nền kinh tế được tăng lên. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. An sinh xã hội được bảo đảm, thu nhập và đời sống của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, xã hội ổn định, ngày càng tiến bộ.

Tuy nhiên, hiện nay kinh tế Việt Nam vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Cơ cấu kinh tế chậm đổi mới, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn. Nền kinh tế còn khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào gia tăng quy mô vốn và lao động, trong khi đó đóng góp của các nhân tố gắn trực tiếp với cải thiện chất lượng, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh chưa tương xứng với kỳ vọng. Chính vì vậy, để tránh nguy cơ tụt hậu và vượt qua bẫy thu nhập trung bình, Việt Nam cần tập trung chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, trong đó trọng tâm là cải thiện, từng bước nâng cao năng suất lao động để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, cạnh tranh khốc liệt giữa các nền kinh tế, chỉ có nâng cao năng suất lao động mới có thể đứng vững và phát triển kinh tế đất nước nhanh và bền vững. Nói về tầm quan trọng của năng suất lao động, Paul Robin Krugman - Nhà kinh tế học người Mỹ, đạt giải Nobel kinh tế đánh giá: “Năng suất không phải là tất cả, nhưng trong dài hạn, năng suất gần như là tất cả!”.

**2. Khái niệm và phương pháp tính năng suất lao động**

Năng suất lao động phản ánh năng lực tạo ra của cải, hiệu suất lao động cụ thể trong quá trình sản xuất, được đo bằng số sản phẩm hay lượng giá trị tạo ra trong một đơn vị thời gian hay lượng thời gian lao động sử dụng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, năng suất lao động tính bằng số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cuối cùng được tạo ra cho một đơn vị lao động tham gia vào hoạt động sản xuất. Trong đó, hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được tạo ra của nền kinh tế là Tổng sản phẩm trong nước (GDP); lao động tham gia vào hoạt động sản xuất tạo ra GDP phản ánh thời gian, công sức, kỹ năng của lực lượng lao động và thường được tính bằng lao động đang làm việc hoặc giờ công lao động.

Ở Việt Nam, năng suất lao động là chỉ tiêu thống kê quốc gia, được quy định trong Luật Thống kê, tính bằng GDP bình quân trên một lao động đang làm việc trong năm. Số liệu để tính năng suất lao động bao gồm số GDP hằng năm và số lao động đang làm việc bình quân. Cả hai chỉ tiêu này được thu thập, biên soạn theo tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ tiêu GDP áp dụng các khái niệm, nguyên tắc, nguồn thông tin và phương pháp tính theo đúng quy định trong hệ thống tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc; chỉ tiêu lao động đang làm việc được tính theo quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế. Do đó, năng suất lao động được quyết định bởi những yếu tố có tác động đến quy mô GDP và số lượng lao động đang làm việc của nền kinh tế. Các yếu tố này bao gồm bốn nhóm:

(1) Trên góc độ toàn nền kinh tế, bao gồm: Ổn định kinh tế vĩ mô; cơ cấu kinh tế; mức độ hội nhập vào kinh tế toàn cầu; môi trường đầu tư kinh doanh; điều kiện tự nhiên.

(2) Trên góc độ ngành kinh tế, bao gồm: Cơ cấu ngành; mức độ cạnh tranh trong từng ngành.

(3) Trên góc doanh nghiệp bao gồm: Mức độ trang bị vốn; năng lực ứng dụng công nghệ; mức độ tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, các cụm liên kết ngành; kỹ năng quản lý.

(4) Chủ thể thực hiện hoạt động sản xuất: Trình độ, kỹ năng, tay nghề, kinh nghiệm, khả năng thích ứng với những thay đổi về công nghệ của người lao động.

**3. Thực trạng năng suất lao động của Việt Nam**

Những năm qua, năng suất lao động của Việt Nam liên tục gia tăng cả về giá trị và tốc độ, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Năng suất lao động theo giá hiện hành đã tăng từ mức 70 triệu đồng/lao động của năm 2011 lên mức 150,1 triệu đồng/lao động vào năm 2020. Năng suất lao động năm 2020 gấp 2,1 lần năm 2011, trong giai đoạn 2011-2020 trung bình mỗi năm năng suất lao động của Việt Nam tăng khoảng 8,9 triệu đồng/lao động. Theo số liệu Niên giám thống kê quốc gia 2022 của Tổng cục Thống kê, năm 2021 - năm chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, năng suất lao động của Việt Nam tăng đột biến từ 150,1 triệu đồng/lao động của năm 2020 lên mức 172,8 triệu đồng/lao động, cao hơn 22,7 triệu đồng/lao động so với năm 2020; đến năm 2022 năng suất lao động đạt 188 triệu đồng/lao động, tăng 15,2 triệu đồng/lao động so với năm 2021. Nguyên nhân năng suất lao động tăng đột biến trong hai năm 2021 và 2022 do kỹ thuật tính toán khác thường của Tổng cục Thống kê khi đã loại trừ khoảng 4,4 triệu lao động tự sản xuất ra sản phẩm cho tiêu dùng của chính họ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; trong khi đó, giá trị của các sản phẩm do hoạt động tự sản xuất cho tiêu dùng được tính và đưa vào quy mô GDP để tính năng suất lao động của nền kinh tế. Số lao động tự sản, tự tiêu hiện nay chiếm khoảng 8,2% lao động đang làm việc của nền kinh tế.

Tốc độ tăng năng suất lao động trong giai đoạn vừa qua của kinh tế Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể. Bình quân giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng năng suất lao động theo giá hiện hành đạt 5,29%; trong đó bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 4,53%; bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 6,05%, vượt mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ IV Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII là tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm giai đoạn 2016-2020 cao hơn 5,5%.

Năm 2021, tốc độ tăng năng suất lao động chỉ đạt 4,6% so với năm 2020 (nếu tính cả lao động làm các công việc tự sản tự tiêu thì chỉ tăng 2,9%) do kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 làm cho tăng trưởng GDP năm 2021 chỉ đạt 2,56% trong khi lao động dần quay trở lại làm việc sau giãn cách xã hội. Mặc dù năm 2022 đạt mức tăng trưởng cao 8,02% nhưng năng suất lao động của nền kinh tế cũng chỉ tăng 4,7% so với năm trước. Bình quân hai năm 2021-2022, năng suất lao động tăng 4,65%/năm, thấp khá xa so với mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đặt ra là tốc độ tăng năng suất lao động bình quân mỗi năm trên 6,5%. Nghĩa là để đạt được mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025 thì bình quân ba năm 2023-2025, mỗi năm năng suất lao động cần phải tăng khoảng 7,8%. Như vậy, mặc dù đã có sự cải thiện nhưng năng suất lao động những năm gần đây tăng tương đối chậm và chưa có đột phá như kỳ vọng. Đây là thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam vì thực tiễn quá trình phát triển đất nước cho thấy việc đẩy mạnh tốc độ tăng năng suất lao động có ý nghĩa quyết định đối với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Năm 2022, năng suất lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 215 triệu đồng/lao động, tăng 19,4 triệu đồng/lao động so với năm 2021, đồng thời là khu vực có mức năng suất lao động cao nhất trong 3 khu vực kinh tế; khu vực dịch vụ đạt 199,2 triệu đồng/lao động, tăng 10,9 triệu đồng/lao động; đáng chú ý là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản từ mức năng suất lao động 48,2 triệu đồng/lao động năm 2019 đã đạt 81,1 triệu đồng/lao động trong năm 2022 do Tổng cục Thống kê đã loại trừ lao động làm các công việc tự sản tự tiêu khỏi khu vực này. Mặc dù năng suất lao động của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thấp nhất trong ba khu vực kinh tế nhưng đây là khu vực có tốc độ tăng năng suất lao động năm 2022 cao nhất với 5,8% so với năm 2021 trong khi khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ lần lượt tăng 3,4% và tăng 3,5%.

Năng suất lao động nước ta có sự khác biệt nhất định giữa các ngành kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2022, ngành sản xuất và phân phối điện có mức năng suất lao động cao nhất với 2.722 triệu đồng/lao động, tăng 506,9 triệu đồng/lao động so với năm 2021 và gấp 14,5 lần mức năng suất lao động chung. Tiếp đến là ngành khai khoáng có mức năng suất lao động đạt 1.367,8 triệu đồng/lao động, tăng 188,4 triệu đồng/lao động so với năm 2021 và gấp 7,3 lần mức năng suất lao động chung do đây là ngành công nghiệp có tính đặc thù, giá trị sản phẩm khai khoáng bao gồm cả giá trị tài nguyên thiên nhiên. Ngành thông tin và truyền thông có năng suất lao động đạt mức 1.067,2 triệu đồng/lao động, giảm 9 triệu đồng/lao động so với năm 2021, gấp 5,7 lần mức năng suất lao động chung; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đạt 924,1 triệu đồng/lao động, tăng 97 triệu đồng/lao động và gấp 4,9 lần; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 897,1 triệu đồng/lao động, giảm 95,6 triệu đồng và gấp 4,8 lần. Trong khi đó, năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2022 đạt 200,2 triệu đồng/lao động, tăng 13,9 triệu đồng/lao động so với năm 2021 nhưng chỉ cao hơn 12,2 triệu đồng/lao động so với mức năng suất lao động chung của toàn nền kinh tế do các doanh nghiệp chế biến, chế tạo (gồm cả doanh nghiệp FDI) chủ yếu tham gia ở các khâu, các công đoạn có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp, không chủ động được nguồn đầu vào cho sản xuất, nhất là các ngành phải nhập khẩu nguyên phụ liệu (dệt, da giày, may mặc, điện tử, hóa chất…), trong khi đây là những ngành sử dụng nhiều lao động. Đặc biệt, nếu như trước đây ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản luôn có mức năng suất lao động thấp nhất thì trong năm 2022 ngành có mức năng suất lao động thấp nhất là ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (80,5 triệu đồng/lao động) do đối với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, Tổng cục Thống kê đã loại trừ lao động làm các công việc tự sản tự tiêu nên năm 2022 nền kinh tế chỉ còn khoảng 13,9 triệu lao động đang làm việc trong ngành này khiến cho năng suất lao động đạt 81,1 triệu đồng/lao động. Bên cạnh đó, trong những năm qua, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có những bước phát triển mạnh, trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới, đồng thời cơ cấu ngành có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành thủy sản và lâm nghiệp. Sự giảm mạnh số lượng lao động trong ngành nông nghiệp giúp mức trang bị vốn, đặc biệt là đất đai tính trên một lao động gia tăng, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tốc độ tăng năng suất lao động của ngành này.

**4. Năng suất lao động của Việt Nam đứng đâu trong khu vực và thế giới**

Tính theo sức mua tương đương (PPP 2017), năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2022 tăng bình quân 5,3%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của Malaysia (1,4%/năm); Thái Lan (1,9%/năm); Singapore (2,2%/năm); Indonesia (2,8%/năm); Philippines (3%/năm). Nhờ đó, Việt Nam đã thu hẹp được khoảng cách tương đối với các nước trong khu vực ASEAN có trình độ phát triển cao hơn. Nếu năm 2011 năng suất lao động của Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia lần lượt gấp năng suất lao động của Việt Nam 12,4 lần; 4,3 lần; 2,1 lần và 1,7 lần thì đến năm 2022 khoảng cách tương đối này giảm xuống tương ứng còn 8,8 lần; 2,8 lần; 1,5 lần và 1,3 lần.

Tính theo PPP 2017, năng suất lao động của Việt Nam năm 2022 đạt 20,4 nghìn USD, chỉ bằng 11,4% mức năng suất lao động của Singapore; 35,4% của Malaysia; 64,8% của Thái Lan; 79% của Indonesia và bằng 94,5% của Philippines; tương đương mức năng suất lao động của Lào (20 nghìn USD). So với các nền kinh tế phát triển có quy mô lớn, năng suất lao động của Việt Nam bằng 15,4% của Mỹ; 19,1% của Pháp; 21,6% của Anh; 24,7% của Hàn Quốc; 26,3% của Nhật Bản và 59% của Trung Quốc. Điều này phản ánh, kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức rất lớn để có thể bắt kịp mức năng suất lao động của các nước trong khu vực và thế giới trong thời gian tới.

So sánh năng suất tính theo số giờ làm việc trên mỗi lao động đang làm việc (tính bằng GDP trên tổng số giờ làm việc của lao động làm việc trong năm) thể hiện bức tranh rõ nét hơn sự thay đổi năng suất lao động trong nền kinh tế do kiểm soát tốt hơn tình trạng thiếu việc làm hiện phổ biến ở nhiều quốc gia. Tính theo PPP 2017, năng suất lao động mỗi giờ làm việc năm 2021 của Việt Nam chỉ đạt 10,2 USD, mức khá thấp so với một số nước trong khu vực ASEAN. Cụ thể, Singapore đạt 74,2 USD; Malaysia 25,6 USD; Thái Lan 15,1 USD; Indonesia 13 USD; tương đương năng suất lao động mỗi giờ của Philippines 10,1 USD. Các nền kinh tế phát triển có quy mô lớn, năng suất lao động mỗi giờ làm việc của Mỹ đạt 70,7 USD; Pháp 58,5 USD; Anh 51,4 USD; Hàn Quốc 41,5 USD; Nhật Bản 39,6 USD; Trung Quốc 13,5 USD.

**5. Vì sao năng suất lao động của Việt Nam thấp**

Mặc dù mức năng suất lao động của nước ta đã được cải thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn thấp và có khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

*(1) Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế chưa hợp lý:* Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động của Việt Nam thời gian qua mặc dù diễn ra khá nhanh nhưng đến nay lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn lớn. Đến năm 2022, nước ta có trên 13,9 triệu lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 27,5% tổng số lao động toàn nền kinh tế (nếu tính cả số lao động làm các công việc tự sản tự tiêu thì có trên 18 triệu lao động), trong khi năng suất lao động của khu vực này chỉ bằng 43,1% mức năng suất lao động chung của toàn nền kinh tế bởi vì đa số lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là lao động giản đơn, công việc có tính thời vụ, không ổn định, tạo ra giá trị gia tăng thấp, dẫn đến năng suất lao động thấp. Đồng thời, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu, lao động ra khỏi khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chủ yếu chuyển sang làm việc trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có năng suất thấp, hoặc chuyển sang các ngành dịch vụ có thu nhập thấp nên tác động không đáng kể tới việc thúc đẩy tăng năng suất lao động chung của nền kinh tế.

*(2) Chưa phát huy được vai trò chủ đạo của năng suất lao động nội ngành:* Theo quy luật phát triển kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi, năng suất lao động của nền kinh tế sẽ ngày càng phụ thuộc vào tăng năng suất lao động nội ngành. Thực tế hiện nay, kinh tế nước ta chưa có thay đổi đáng kể trong bản chất tăng trưởng của từng ngành; tăng trưởng của nền kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào việc mở rộng quy mô của các ngành sử dụng nhiều lao động, hàm lượng công nghệ thấp, vì vậy mục tiêu tăng nhanh giá trị gia tăng của sản phẩm chưa đạt được. Đặc biệt, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò động lực phát triển, đồng thời dẫn dắt tăng năng suất lao động của nền kinh tế nhưng tập trung cao ở những ngành tạo ra sản phẩm xuất khẩu dựa trên nền tảng công nghệ thấp và trung bình. Trong khi đó, các ngành sản xuất có công nghệ cao tập trung ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại hoạt động theo phương thức nhập khẩu linh kiện, tận dụng lao động giá rẻ, tiến hành gia công lắp ráp, tác động lan tỏa đối với khu vực sản xuất trong nước chưa nhiều nên giá trị tăng thêm tạo ra ở trong nước tương đối thấp, chưa tạo đột phá về tăng năng suất lao động.

*(3) Năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp thấp:* Doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng, tạo ra trên 60% GDP của nền kinh tế, là chủ thể thúc đẩy tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt, quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của đất nước. Tuy vậy, khu vực doanh nghiệp hiện nay chưa thực sự là nhân tố và động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Trong ba loại hình doanh nghiệp hiện nay, doanh nghiệp Nhà nước có mức năng suất lao động cao nhất, tiếp đến doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (doanh nghiệp FDI) và cuối cùng là doanh nghiệp ngoài nhà nước. Năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp Nhà nước cao nhất là nhờ đẩy mạnh quá trình sắp xếp cổ phần hóa trong thời gian qua, đồng thời phát huy được lợi thế từ việc thụ hưởng các nguồn lực của đất nước, như vốn, chính sách thuế và công nghệ, vị trí kinh doanh, đặc biệt là tài nguyên thiên nhiên. Chẳng hạn, giá trị tăng thêm của ngành khai khoáng bao gồm cả giá trị tài nguyên thiên nhiên dầu mỏ, than…, hay các doanh nghiệp Nhà nước được tạo điều kiện thuận lợi về sử dụng các tài nguyên vô hình như tần số, vô tuyến điện.

Khu vực doanh nghiệp FDI trong giai đoạn vừa qua đóng góp tích cực vào việc cải thiện năng suất lao động thông qua việc mang công nghệ sản xuất và quản lý tiên tiến đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào một số ngành sử dụng lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào, ít đòi hỏi cao về trình độ lao động, trong khi các ngành hiện đang được khuyến khích đầu tư như nông nghiệp chất lượng cao, sản xuất thiết bị y tế, giáo dục, logistic... thì vẫn chưa thu hút được nguồn vốn FDI như kỳ vọng. So với các loại hình doanh nghiệp khác, năng suất lao động của doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt thấp nhất. Do chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp nên năng suất lao động của doanh nghiệp ngoài Nhà nước ở mức thấp đã ảnh hưởng nhiều đến năng suất lao động chung của toàn bộ khu vực doanh nghiệp.

Có ba nhóm nguyên nhân khiến doanh nghiệp trong nước chưa thực hiện được vai trò quan trọng trong nâng cao năng suất lao động của nền kinh tế:

*Một là,* doanh nghiệp trong nước chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiềm lực về vốn hạn hẹp, khả năng đầu tư công nghệ hạn chế, kinh nghiệm quản lý sản xuất yếu và năng lực cạnh tranh thấp. Thực tế quy mô doanh nghiệp trong nước quá nhỏ bé, số doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ chiếm khoảng 97,4% tổng số doanh nghiệp của cả nước, phần lớn doanh nghiệp chưa đạt được quy mô tối ưu (100-299 lao động) để có được mức năng suất lao động cao nhất.

*Hai là,* ứng dụng công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn hạn chế; máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu. Qua nghiên cứu cho thấy những doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) có mức năng suất lao động cao hơn so với các doanh nghiệp còn lại. Tuy nhiên, hiện nay tỷ lệ doanh nghiệp chi cho các hoạt động R&D ở Việt Nam vẫn còn thấp. Phần lớn doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh có trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thấp, nhiều doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu 2-3 thế hệ so với mức trung bình của thế giới.

*Ba là,* doanh nghiệp trong nước chưa tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, hầu như các doanh nghiệp trong nước chưa kết nối được vào chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn, công ty đa quốc gia nên chưa tận dụng được tính lan toả của tri thức, công nghệ, năng lực quản trị và năng suất lao động từ các tập đoàn, công ty đa quốc gia.

*(4) Nguồn nhân lực còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội:* Thị trường lao động nước ta hiện nay có một số hạn chế đáng lo ngại. Cả bên cung và bên cầu chưa đáp ứng được các tiêu chí của thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Khả năng hội nhập của lao động Việt chưa cao. Trình độ tay nghề tương đối thấp so với tiêu chuẩn khu vực và thế giới. Cơ cấu lao động theo ba khu vực kinh tế chưa hợp lý. Số lượng lao động tăng nhanh ở khu vực phi chính thức. Chất lượng lao động không đáp ứng nhu cầu. Tính bấp bênh và dễ bị tổn thương đến việc làm và thu nhập của người lao động khá cao. Lao động thời vụ phát triển, hạn chế về đào tạo kỹ năng.

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo từ 3 tháng trở lên được cấp bằng, chứng chỉ còn thấp, năm 2022 đạt 26,4%. Nói cách khác, toàn nền kinh tế hiện có tới 37,2 triệu lao động chưa được đào tạo để đạt trình độ chuyên môn kỹ thuật nào đó, chiếm 73,6% tổng số lao động. Bên cạnh đó, cơ cấu đào tạo không hợp lý, thiếu hụt lao động có tay nghề cao, khoảng cách giữa giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động còn lớn. Đặc biệt, đa số người lao động chưa được tập huấn về kỷ luật lao động công nghiệp, thiếu ý thức tiết kiệm cả về nguyên vật liệu và thời gian, cả người quản lý lẫn người lao động còn rất yếu về ý thức tiết kiệm. Ngoài ra, người lao động thiếu các kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm, thiếu khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, ngại phát huy sáng kiến. Đây chính là rào cản lớn cho việc cải thiện năng suất lao động.

**6. Xu hướng thay đổi kinh tế thế giới tác động tới năng suất lao động**

Trong 5 năm gần đây, thế giới trải qua nhiều biến cố, với 4 đặc trưng: Biến động khó lường; không chắc chắn; phức tạp và mơ hồ. Các biến cố gần đây đưa đến những thay đổi mạnh mẽ về hoạt động kinh tế thế giới, trật tự kinh tế toàn cầu lỏng lẻo; các giá trị của chủ nghĩa tự do kinh tế bị thách thức nghiêm trọng; chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch quay trở lại. Chuỗi cung ứng toàn cầu được định hình lại theo hướng linh hoạt, dễ thích nghi hơn; mạng lưới sản xuất toàn cầu vẫn quyết định tương lai của chuỗi cung ứng nhưng sẽ phát triển mạnh hơn mạng lưới sản xuất khu vực. Đặc biệt, xu hướng toàn cầu hoá dịch vụ phát triển mạnh mẽ; ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy thương mại điện tử minh bạch là các yếu tố không thể tách rời với xu hướng phát triển trong thời gian tới.

*(1) Biến cố kinh tế thế giới thúc đẩy ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất lao động*

Khi các cú sốc xảy ra dẫn tới suy thoái kinh tế. Bước vào giai đoạn phục hồi, các nền kinh tế ghi nhận xu hướng thị trường lao động mất nhiều thời gian hơn để quay trở lại mức trước khi kinh tế suy thoái. Chẳng hạn, đối với kinh tế Mỹ trong 7 cuộc suy thoái trước năm 1980, trung bình cần khoảng 5 quý để GDP vượt qua mức đỉnh trước suy thoái; trong khi đó, thị trường việc làm cần trung bình 6 quý để phục hồi. Tuy nhiên, từ năm 1980 trở lại đây sự phục hồi của thị trường việc làm tụt hậu so với GDP. Trong 4 cuộc suy thoái trước khủng hoảng Covid-19, GDP đã tăng lên mức cao trước suy thoái chỉ trong khoảng 6 quý nhưng thị trường việc làm đã mất đến 15 quý.

Hệ lụy về kinh tế - xã hội do đại dịch gây ra, cùng với các nền kinh tế đang phải đương đầu với quả bom hẹn giờ về nhân khẩu học khiến thị trường lao động không đáp ứng đủ nhân lực để có thể làm mọi thứ như trước đại dịch. Đồng thời, nguồn cung lao động giá rẻ bị suy giảm, tiền lương tăng lên trong bối cảnh khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo phát triển nhanh, vượt bậc. Trước thực tế này, các nền kinh tế nói chung và các công ty đã đẩy nhanh quá trình ứng dụng công nghệ, tự động hoá và mô hình làm việc mới để xử lý và vượt qua thách thức về vấn đề lao động. Xu hướng này tác động rất mạnh tới tăng năng suất lao động của nền kinh tế.

Tại Trung Quốc, từ đầu thập niên 2020 đã đẩy mạnh quá trình sử dụng robot công nghiệp trong sản xuất. Năm 2021, Trung Quốc chiếm gần một nửa tổng số robot công nghiệp hạng nặng được lắp đặt trên toàn cầu, với mức tăng 51%, tiếp theo sau là Nhật Bản, Mỹ và Hàn Quốc. Các robot công nghiệp và dịch vụ được triển khai tại khắp các nhà máy, nhà kho và nơi làm việc trên khắp thế giới.

Do tuyển dụng công nhân ngày càng khó khăn, Công ty máy móc xây dựng Xuzhou Construction thuộc sở hữu nhà nước của Trung Quốc bắt đầu thử nghiệm tự động hóa quy mô lớn vào đầu năm 2012. Trước khi tự động hóa, việc chế tạo một máy xúc lật đòi hỏi đội công nhân gồm 11 người làm việc trong hai ca 10 giờ để phân loại khoảng 10.000 linh kiện. Giờ đây, 2 công nhân giám sát một robot có thể làm cùng công việc đó chỉ trong một ca làm việc. Số lượng công nhân trên dây chuyền sản xuất của Công ty này giảm 56% so với trước khi tự động hóa, trong khi năng lực sản xuất tổng thể hàng ngày cao hơn 50%. Sau khi áp dụng robot công nghiệp trong lĩnh vực này, năng suất lao động của Công ty tăng gấp 11 lần. Thử hỏi làm gì để nâng cao năng suất lao động bằng áp dụng công nghệ!

*(2) Cơ cấu lại lực lượng lao động trước áp lực từ các biến cố kinh tế là động lực nâng cao năng suất lao động*

Các biến cố đưa nền kinh tế rơi vào giai đoạn khó khăn, đòi hỏi phải thực hiện tái cơ cấu kinh tế và lực lượng lao động. Quá trình tái cơ cấu này là động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Thị trường lao động được cơ cấu lại theo chiều hướng loại bỏ các công việc "lặp đi lặp lại" có quy trình đơn giản bằng những công việc đòi hỏi trình độ, kỹ năng và tay nghề cao hơn. Gần đây, những công việc đơn giản dần được thay thế bằng robot và trí tuệ nhân tạo.

Trong 5 tháng đầu năm 2023, kinh tế Mỹ đã sa thải 420 nghìn lao động, gấp hơn 4 lần so với cùng kỳ năm trước, cũng là mức cao nhất kể từ năm 2020, thời kỳ đầu bùng phát đại dịch Covid-19. Chính sách thắt chặt tiền tệ quyết liệt của Cục Dự trữ liên bang Mỹ và làn sóng phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) đã bắt đầu ảnh hưởng tới cả những công việc lương cao tại các doanh nghiệp lớn của Mỹ. Theo báo cáo việc làm của Challenger, chỉ riêng tháng 5/2023, các doanh nghiệp Mỹ đã sa thải hơn 80 nghìn lao động, tăng 20% so với tháng 4/2023 và gấp gần 4 lần năm trước. Trong số lao động mất việc nói trên, khoảng 5% bị sa thải vì doanh nghiệp sử dụng AI thay thế, đây là lần đầu tiên có những doanh nghiệp sa thải lao động do sử dụng AI. Ngân hàng Goldman Sachs gần đây công bố báo cáo nghiên cứu cho thấy sự phát triển của AI sẽ thay thế khoảng 300 triệu việc làm trên toàn thế giới trong thời gian tới.

Cơ cấu lại lực lượng lao động là xu thế khách quan do các biến cố kinh tế gây nên, doanh nghiệp sẽ phát tín hiệu đòi hỏi thị trường lao động phải đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ, kỹ năng của lực lượng lao động cho phù hợp với quá trình tái cơ cấu kinh tế, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong làn sóng ứng dụng công nghệ, AI và đổi mới sáng tạo.

Trình độ và kỹ năng của người lao động có tác động tích cực làm tăng năng suất lao động của doanh nghiệp nước ta. Qua phân tích số liệu điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 cho thấy, nếu lấy nhóm lao động chưa qua đào tạo làm gốc so sánh thì khi tăng 1% lao động qua đào tạo của nhóm lao động có đào tạo nhưng không có chứng chỉ sẽ làm năng suất lao động tăng thêm 0,04%. Hiệu quả của tăng thêm 1% lao động được đào tạo dẫn đến tăng năng suất lao động của nhóm lao động có chứng chỉ sơ cấp nghề là 0,16%; của nhóm có bằng trung cấp hoặc cao đẳng là 0,19%; nhóm có bằng đại học trở lên là 0,22%. Tác động và hiệu quả trong việc đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng, tay nghề để tăng năng suất lao động của doanh nghiệp nước ta là rất lớn khi có tới 73,6% lao động chưa được đào tạo để đạt trình độ chuyên môn kỹ thuật nào đó trong tổng số lực lượng lao động của nền kinh tế.

*(3) Biến đổi chuỗi cung ứng toàn cầu tạo động lực nâng cao năng suất lao động*

Chuỗi cung ứng toàn cầu được định hình lại theo hướng linh hoạt hơn, dễ thích nghi hơn, trong bối cảnh mạng lưới sản xuất toàn cầu vẫn quyết định tương lai của chuỗi cung ứng, nhưng mạng lưới sản xuất khu vực gia tăng sẽ thúc đẩy các quốc gia tham gia sâu hơn các dây chuyền sản xuất và thương mại quốc tế toàn cầu, đưa tới cạnh tranh khốc liệt hơn về ứng dụng công nghệ vào sản xuất, chiếm lĩnh thị phần xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Vì vậy, định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu từ sản xuất tới thương mại và phân phối đòi hỏi các quốc gia phải đầu tư nghiên cứu và triển khai ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, ứng dụng công nghệ và nâng cao giá trị tài sản dùng trong sản xuất có tác động rất lớn tới tăng năng suất lao động. Qua phân tích số liệu điều tra doanh nghiệp cho thấy nếu tăng 1% giá trị tài sản trên lao động sẽ làm tăng năng suất lao động 0,2%, tác động của doanh nghiệp tăng đầu tư vào ứng dụng công nghệ, gia tăng giá trị tài sản trên lao động tới nâng cao năng suất lao động chắc chắn cao hơn trong giai đoạn hiện nay.

Các biến cố kinh tế và định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu là tác nhân dẫn tới gia tăng cạnh tranh đối với các nền kinh tế thông qua cạnh tranh hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu và cạnh tranh thị trường xuất khẩu với các đối thủ nước ngoài. Áp lực cạnh tranh với các đối thủ nước ngoài bắt buộc doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu phải thực hiện đổi mới sáng tạo, ứng dụng các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động để có thể cạnh tranh về chất lượng, hàm lượng công nghệ trong sản phẩm và giá bán.

Trong vài thập kỷ qua, Hàn Quốc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững là do năng suất lao động tăng cao với sự lan toả công nghệ. Có được thành quả này, các nhà kinh tế khẳng định vai trò quan trọng của xuất khẩu để duy trì năng suất lao động tăng cao.

Qua phân tích số liệu điều tra doanh nghiệp cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu có năng suất lao động cao hơn 35% so với doanh nghiệp không có hoạt động này. Đặc biệt, doanh nghiệp có hoạt động R&D, thực hiện đổi mới sáng tạo có năng suất lao động cao hơn 19,3% so với các doanh nghiệp không tham gia R&D.

Để mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của nước ta phát huy hiệu quả tối đa trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng suất lao động, bên cạnh việc đổi mới thể chế, cơ chế không chỉ để nâng cao khả năng cạnh tranh hàng hoá và chiếm lĩnh thị phần xuất khẩu mà còn phải tạo môi trường cạnh tranh trong các lĩnh vực và thị trường các nhân tố đầu vào của nền kinh tế, đó là thị trường nguyên nhiên vật liệu, thị trường vốn, thị trường lao động và thể chế quản trị doanh nghiệp.

Trong các thập kỷ trước, mô hình tăng trưởng hướng tới xuất khẩu đã rất thành công đối với Hàn Quốc và một số quốc gia Đông Á. Tuy vậy, do thiếu cạnh tranh trong các thị trường khác một phần vì thể chế thiếu đồng bộ, không phù hợp đã hạn chế hiệu quả nâng cao năng suất lao động thu được từ các hoạt động thương mại quốc tế. Đây là bài học quan trọng, đắt giá rút ra từ sự trì trệ của kinh tế Nhật Bản, từ khủng hoảng tài chính tại Hàn Quốc và các nền kinh tế Đông Á mới nổi. Thiết nghĩ, Việt Nam nên tránh vết xe đổ này của các quốc gia trong khu vực đã phạm phải.

**7. Việt Nam cần làm gì để nâng cao năng suất lao động**

Để hoà nhịp với xu hướng thay đổi của kinh tế thế giới, để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, cùng toàn bộ hệ thống chính trị cần thấm nhuần nhận thức về tầm quan trọng của việc nâng cao năng suất lao động. Phải coi nâng cao năng suất lao động là giải pháp quan trọng hàng đầu đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững trong một thế giới đầy bất trắc, khó lường, trật tự kinh tế thế giới lỏng lẻo.

Trước thực trạng năng suất lao động nước ta còn thấp, để từng bước rút ngắn khoảng cách về mức năng suất lao động với các nước trong khu vực và trên thế giới, thiết nghĩ, Chính phủ, các bộ, ngành và cộng đồng doanh nghiệp cần triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

***Đối với Chính phủ***

(1) Khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nâng cao năng suất lao động Việt Nam. Định kỳ đánh giá, bổ sung, cập nhật Chiến lược này phù hợp với những thay đổi mau lẹ của kinh tế thế giới. Chủ động dự báo các biến cố, xu hướng thay đổi của kinh tế thế giới; nhận diện, đánh giá tác động của những cơ hội và thách thức đến từ các thay đổi này đối với kinh tế nước ta. Không ai khác, mà chính là Chính phủ phải xác định được các yếu tố ngoại sinh tạo ra sự đổi mới để từ đó chủ động đưa ra các giải pháp tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức giữ ổn định vĩ mô, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững.

(2) Cạnh tranh lành mạnh trên tất cả các thị trường là nền tảng quan trọng để nâng cao năng suất lao động. Vì vậy, Chính phủ cần thực hiện cải cách và hoàn thiện thể chế nhanh hơn, hiệu quả hơn để khơi thông và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước. Đặc biệt, Chính phủ cần hoàn thiện đồng bộ môi trường pháp lý để tất cả các loại thị trường đều phát triển và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, đặc biệt quan tâm tới xây dựng và hoàn thiện thể chế thị trường hàng hoá; thị trường nhân tố và thể chế quản trị doanh nghiệp. Xoá bỏ mọi độc quyền dưới bất kỳ hình thức nào diễn ra trên thị trường hàng hoá và thị trường nhân tố.

(3) Thương mại quốc tế là động lực thúc đẩy các nền kinh tế đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, chiếm lĩnh và mở rộng thị phần thế giới. Vì vậy, Chính phủ cần rà soát, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả Chiến lược tăng trưởng hướng tới xuất khẩu nhằm tận dụng tối đa lợi ích từ các hiệp định FTA, phù hợp với xu hướng thay đổi của toàn cầu hoá và chuỗi cung ứng toàn cầu đặt trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải nhà kính, phát triển một hành tinh xanh.

(4) Cạnh tranh là động lực chủ yếu để đổi mới, sáng tạo và ứng dụng công nghệ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế không chỉ cho các nền kinh tế đã đạt ngưỡng công nghệ mà đặc biệt cần thiết đối với các nền kinh tế đang phát triển còn xa ngưỡng công nghệ trong bối cảnh hiện nay. Chính phủ cần đổi mới cơ chế giao nghiên cứu, quản lý, đánh giá các hoạt động R&D, đảm bảo mức kinh phí 2% GDP hằng năm. Xây dựng môi trường thuận lợi cùng với các chính sách ưu đãi, đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giải pháp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, như giảm thuế thu nhập đối với doanh nghiệp có hoạt động R&D, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ.

(5) Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế phù hợp với xu hướng mới của kinh tế thế giới. Cơ cấu lại nội bộ từng ngành theo hướng phát huy lợi thế so sánh và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung nội lực, thúc đẩy động lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Cơ cấu lại lĩnh vực đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng.

(6) Xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển doanh nghiệp công nghệ, ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ cao, thiết kế, sáng tạo; Chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài hướng tới hỗ trợ nâng cao năng suất lao động quốc gia; chiến lược khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tư nhân vươn ra thị trường khu vực và thế giới.

(7) Chính phủ cần hoàn thiện thể chế, chính sách đồng bộ, thống nhất nhằm tạo dựng và nâng cao hiệu quả vận hành thị trường lao động linh hoạt, hội nhập và bền vững đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp, xu hướng chuyển đổi chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, đảm bảo khả năng cung ứng lao động cho chuyển dịch đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Xây dựng và thực thi chính sách thị trường lao động tích cực, chủ động thực hiện phương châm đào tạo, đào tạo lại, đào tạo thích ứng cho lực lượng lao động đang làm việc. Đồng thời thực hiện phương châm học suốt đời, học linh hoạt nhằm nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động đáp ứng đòi hỏi về nâng cao và bồi đắp kỹ năng lao động.

(8) Nâng cao năng suất lao động phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, năng lực, kỹ năng và chuyên môn của người lao động. Vì vậy, giáo dục cho người dân, mở rộng độ bao phủ, phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, trong đó có định hướng ưu tiên đào tạo các tài năng cá biệt và các kỹ năng mới nổi phải là quốc sách hàng đầu đối với Việt Nam trong giai đoạn phát triển.

(9) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội khẩn trương nghiên cứu xu hướng chuyển đổi nhu cầu lao động của thế giới và khu vực; xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển trong những năm tới của toàn nền kinh tế, từng vùng, miền và địa phương; đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động. Đồng thời, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cần nghiên cứu triển khai việc cấp bằng hoặc giấy chứng nhận hành nghề một cách thực chất theo tiêu chuẩn quốc tế, đúng với năng lực chuyên môn và kỹ năng của người lao động. Giải pháp này nâng cao trình độ, góp phần nâng cao tính cạnh tranh của lực lượng lao động trong nền kinh tế.

***Đối với doanh nghiệp***

(1) Doanh nghiệp cần xây dựng và thực thi chiến lược nâng cao năng suất lao động dựa vào tri thức và công nghệ; tập trung đầu tư nâng cao năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, quản trị doanh nghiệp.

(2) Đổi mới quy trình sản xuất; sắp xếp lại quy mô doanh nghiệp phù hợp với từng ngành, từng vùng kinh tế; phát triển công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh liên doanh liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời tiếp nhận chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị, quản lý.

(3) Doanh nghiệp cần đánh giá cụ thể từng công đoạn của quy trình sản xuất, cơ cấu lại bức tranh lao động của doanh nghiệp; phát triển quy trình sản xuất tự động, đầu tư sử dụng robot công nghiệp và trí tuệ nhân tạo nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, năng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm.

Nâng cao năng suất đang là một thách thức đối với kinh tế Việt Nam. Trên thực tế Việt Nam có nhiều tiềm năng và dư địa, cơ hội để nâng cao năng suất lao động. Để biến tiềm năng, cơ hội thành hiện thực, rất cần sự chung tay của các cấp, các ngành, của doanh nghiệp và toàn xã hội để chúng ta cùng đạt được mục tiêu chung - phát triển nhanh, bền vững, xã hội ổn định, đất nước phồn vinh./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu nâng cao năng suất lao động của Việt Nam, Tổng cục Thống kê, 2019.

2. Nghị quyết số: 31/2021/QH15, về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

3. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, thổi bùng khát vọng Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc. https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/xay-dung-nen-kinh-te-doc-lap-tu-chu-thoi-bung-khat-vong-viet-nam-hung-cuong-phon-vinh-hanh phuc-119230302164025544.htm

4. Tăng năng suất: Chính sách tốt thực hiện chậm vẫn chỉ là chính sách. https://www.vietnamplus.vn/tang-nang-suat-chinh-sach-tot-thuc-hien-cham-van-chi-la-chinh-sach/849069.amp

5. JICA: Năng suất lao động của Việt Nam rất thấp trong khu vực https://vietstock.vn/2022/09/jica-nang-suat-lao-dong-cua-viet-nam-rat-thap-trong-khu-vuc-761-998654.amp

6. Gần 4000 lao động Mỹ bị mất việc trong tháng 5 do AI. https://bnews.vn/gan-4-000-lao-dong-my-bi-mat-viec-trong-thang-5-do-ai/293402.html

7. Kỷ nguyên của lao động giá rẻ sắp qua đi. https://vnexpress.net/ky-nguyen-lao-dong-sieu-re-cua-chau-a-sap-di-qua-4638823.html